



wán zi

丸子

Noun · meatball

Example Sentences

zhè shì wán zi
这是丸子。

This is a meatball.

nǐ nán dào bù jué de zhè pán wán zi yǒu diǎn tài xián le ma
你难道不觉得这盘丸子有点太咸了吗？

Don't you think this plate of meatballs is a bit too salty?

mā mā zuò le hǎo chī de wán zi tāng
妈妈做了好吃的丸子汤。

Mom made delicious meatball soup.

Trace each character, then write the word on your own.

丸 丸 丸 丸 丸 丸

子 子 子 子 子 子